TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ PHỔ YÊN** **TỈNH THÁI NGUYÊN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 11/2023/QĐST –HN&GĐ	*Phổ Yên, ngày 09 tháng 3 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ Điều 211, Điều 212, khoản 4 Điều 397 Bộ luật tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 81,82,83,84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự sơ thẩm thụ lý số 05/2023/ VHN&GĐ-ST ngày 21 tháng 02 năm 2023 về việc " Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thoả thuận nuôi con chung", gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Anh Lục Văn L, sinh năm 1997

HKTT: xóm H, xã PT, thành phố PY, tỉnh Thái Nguyên

2. Chị Triệu Thị T, sinh năm 1999

HKTT: xóm H, xã PT, thành phố PY, tỉnh Thái Nguyên

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Về quan hệ hôn nhân: anh Lục Văn L và chị Triệu Thị T tự nguyện kết hôn năm 2019, có đăng ký kết hôn tại UBND xã PT, thị xã PY (nay là thành phố PY), Thái Nguyên, là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn, chị T về làm dâu, chung sống cùng gia đình nhà chồng tại xóm Hạ, PT. Cuộc sống vợ chồng hoà thuận đến đầu năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn là do đời sống vợ chồng không hoà hợp, vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, cách sống, cách làm ăn, phát triển kinh tế dẫn đến thường xuyên cãi cọ lẫn nhau, cuộc sống không có hạnh phúc. Anh chị đã được hai bên gia đình hàn gắn tuy nhiên chỉ được một thời gian ngắn, cuộc sống vợ chồng lại căng thẳng dẫn đến mâu thuẫn trầm trọng và đã ly thân 03 tháng nay, mỗi người sống một nơi và đều không có nguyện vọng đoàn tụ vợ chồng. Anh chị đã thống nhất làm đơn đề nghị Toà án công nhận thuận tình ly hôn. Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng đôi bên đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể đoàn tụ xây dựng cuộc sống chung vợ chồng, do đó việc thuận tình ly hôn được ghi nhận trong biên bản thỏa thuận về ly hôn, biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 01/3/2023 là tự nguyện, cần được chấp nhận cho anh chị thuận tình ly hôn.

2. Về con chung: Quá trình chung sống, anh chị có 01 con chung tên Lục Đức T, sinh ngày 17/8/2019. Khi ly hôn, anh L, chị T đã thống nhất thoả thuận giao con chung Lục Đức T cho anh L trực tiếp nuôi dưỡng. Anh L không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Không có, không đặt ra việc giải quyết.

4. Khoản nợ chung, cho vay chung: Không có, không đặt ra việc giải quyết.

5. Về các vấn đề khác: Không có**.**

6. Lệ phí giải quyết việc dân sự: Anh L, chị T thỏa thuận cùng chịu lệ phí giải quyết việc hôn nhân gia đình theo quy định pháp luật.

Đã hết thời hạn 07 ngày kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, biên bản thỏa thuận về ly hôn mà không có đương sự nào có ý kiến thay đổi về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1 Công nhận sự thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Lục Văn L và chị Triệu Thị T.

1.2. Về con chung: anh Lục Văn L và chị Triệu Thị T xác định trong quá trình chung sống vợ chồng có 01 con chung tên Lục Đức T, sinh ngày 17/8/2019.

Anh L, chị T thống nhất thỏa thuận: Giao con chung tên Lục Đức T, sinh ngày 17/8/2019 cho anh L trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi và có khả năng lao động (hoặc có sự thay đổi khác theo quy định pháp luật).

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh L không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con nên tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho chị T cho đến khi anh L có yêu cầu.

Sau khi ly hôn chị T được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết, các bên có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định pháp luật.

1.3. Về tài sản chung: Không có, không đặt ra việc giải quyết.

1. 4.Khoản nợ chung, cho vay chung: Không có, không đặt ra việc giải quyết.

1. 5.Về các vấn đề khác: Không có**.**

1.6. Lệ phí giải quyết việc dân sự: anh L, chị T thoả thuận cùng chịu lệ phí giải quyết việc dân sự 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng). Anh L, chị T được đối trừ vào tiền tạm ứng lệ phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) theo

biên lai thu số 0001377 ngày 21/02/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Phổ Yên. Xác nhận anh L, chị T đã nộp đủ.

2. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6,7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014./.

THẨM PHÁN

Nguyễn Hải Chiều

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND Thành phố Phổ Yên;
- THADS thành phố Phổ Yên;
- UBND xã PT;
(GCNKH: 07/2019);
- Lưu HS.